TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 09/3/2020

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Yến;

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Biện và bà Vũ Thị D;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Toà án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 44/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994 (có mặt)

- Bị đơn: Anh Trương Thành N, sinh năm 1990 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 8 ấp TB, xã TL, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

NỘI D VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Trương Thành N sau thời gian tìm hiểu, đã tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 11 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện CT, tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Trương Thành N có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng thường

xuyên cãi vã. Chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên muốn ly hôn với anh Trương Thành N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung tên Trương Thành L, sinh ngày 08/11/2016. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và yêu cầu anh Trương Thành N cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn số tiền 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nợ chung và tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 27 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Thành N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị D sau thời gian tìm hiểu, đã tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 11 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện CT, tỉnh Bình Phước Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Nay chị Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn, anh thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đồng ý ly hôn như đề nghị của chị Nguyễn Thị D.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có con chung tên Trương Thành L, sinh ngày 08/11/2016. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Trương Thành N cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Bị đơn anh Trương Thành N đồng ý ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Trường hợp Tòa án giao con cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội D vụ án: Căn cứ Điều 55, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trương Thành N, giao cháu Trương Thành L cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn số

tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi của anh Trương Thành N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Thành N.

Anh Trương Thành N hiện cư trú tại địa chỉ tổ 8 ấp TB, xã TL, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trương Thành N đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 11 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện CT, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của chị Nguyễn Thị D, anh Trương Thành N là hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị D thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn anh Trương Thành N. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trương Thành N đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trương Thành N.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trương Thành N đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trương Thành L sau khi ly hôn.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa thể hiện nguyên đơn và bị đơn đều có công việc và thu nhập ổn định. Chị Nguyễn Thị D giao nộp tại phiên tòa tài liệu chứng cứ là hai biểu lương Công ty Long Fa (Việt N) thể hiện mức lương hàng tháng trung bình 7.000.000 đồng/tháng. Anh Trương Thành N trình bày anh quản lý vườn rẫy cho cha mẹ ruột và khai thác vườn rẫy, thu hoạch theo vụ mùa, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 5.000.000 - 7.000.000 đồng/tháng nên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập. Anh Trương Thành N trình bày chị Nguyễn Thị D bỏ nhà đi từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay để cháu Trương Thành L cho anh nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị D trình bày do anh Trương Thành N có hành vi bạo lực gia đình với chị nên chị về nhà cha mẹ ruột

sinh sống, chị rất muốn đưa cháu Trương Thành L đi cùng nhưng anh Trương Thành N ngăn cản không cho chị đưa con theo.

Xem xét về điều kiện ăn ở sinh hoạt của anh Trương Thành N có phần bị hạn chế, anh vừa làm làm rẫy vừa chăm lo con nhỏ. Cha mẹ ruột anh Trương Thành N sinh sống tại ấp 2, xã MT, huyện CT nên ít có điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ anh Trương Thành N chăm sóc cháu Trương Thành L. Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị D hiện đang sinh sống cùng cha mẹ ruột nên có điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ chị Nguyễn Thị D nuôi cháu Nguyễn Thành L và cháu Trương Thành L đang ở độ tuổi còn nhỏ (3 tuổi 3 tháng) cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Do vậy để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung được phát triển toàn diện cũng như xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của người cha, người mẹ. Cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị D. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị D không yêu cầu giải quyết. Sau khi kết thúc phần thủ tục hỏi chuyển sang phần tranh luận, bị đơn anh Trương Thành N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn số tiền 2.000.000 đồng/tháng nếu Tòa án giao con cho chị Nguyễn Thị D nuôi. Xét thấy đây là ý kiến tự nguyện của anh Trương Thành N phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Trương Thành N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trương Thành N.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Thành L, sinh ngày 08/11/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Thành N về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các đương sự được thực hiện quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004738 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Anh Trương Thành N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- UBND xã MT;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Yến